

Bản án số: 71/2023/HS-ST

Ngày: 13 - 12 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài

Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Long

Ông Nguyễn Xuân Hiệp

Bà Nguyễn Thị Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2023/QĐXXST-HS ngày 27/11/2023 đối với bị cáo:

Bị cáo: Lê Văn C, sinh năm 1991 tại Đăk Lăk; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: C3 (PK02) Công an tỉnh Đ (bị tước quân tịch ngày 16/6/2023); trình độ học vấn: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C1 và bà: Thái Thị L; vợ: Nguyễn Thị Mộng T (đã ly hôn); con: 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Bùi Thị Hương D – Văn phòng luật sư Lê Thị Tuyết N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L. Có mặt.

Bị hại: Ông Đặng Hoàng A, sinh năm 1990; trú tại: Số B Tầng B khu B, Chung cư H, đường L, Tổ B, Ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1950; trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bà Phan Thị Tuyết T1, sinh năm 1982; trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn G, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1971; trú tại: A Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Phạm Huy P, sinh năm 1977; trú tại: Số E C, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Minh N1, sinh năm 1985; trú tại: D Đ, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, vợ chồng ông Nguyễn Đức S - bà Phan Thị Tuyết T1 có mua 06 thửa đất (đất nông nghiệp) của một số người đồng bào dân tộc thiểu số khai phá và sử dụng; chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi mua bán, các bên chỉ lập Giấy sang nhượng đất (viết tay, không công chứng). Cụ thể:

- Thửa đất số 1, diện tích 7.667m², mua của hộ gia đình bà K L, HKTT: thôn E, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/12/2017 với giá 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Thửa đất số 2, diện tích 1.272 m², mua của bà Kră J K' Thủy HKTT: thôn E, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/4/2018, hiện nay không nhớ được số tiền mua đất.

- Thửa đất số 3, diện tích 2.389 m², mua của bà Kră J K' Thủy HKTT: thôn E, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và ông Kră J K' Lát HKTT: thôn F, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng - em trai bà K' Thủy vào ngày 18/4/2018, hiện nay không nhớ được số tiền mua đất.

- Thửa đất số 4, diện tích 34.537 m², mua của hộ gia đình ông Dơng G Ha Krang HKTT: thôn F, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/10/2018, hiện nay không nhớ được số tiền mua đất.

- Thửa đất số 5, diện tích 5.841 m², mua của ông Kon Sơ H, HKTT: thôn E, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/12/2017, hiện nay không nhớ được số tiền mua đất.

- Thửa đất số 6, diện tích 10.000 m²; mua của ông Kon S1 Ha Đin HKTT: thôn F, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào khoảng năm 2018, với giá 100.000.000đ.

Sau khi thực hiện xong giao dịch mua bán đất thì các chủ đất nêu trên đã bàn giao đất cho ông S - bà T1 quản lý và sử dụng; không phát sinh mâu thuẫn hay tranh chấp gì đối với các thửa đất này.

Vào khoảng năm 2017, trong lúc đi rửa xe tại thành phố Đ, ông S quen biết với ông Lê Văn C. Đến khoảng tháng 12/2019, ông S có tặng 01 thửa đất trong tổng 06 thửa đất mà ông S bà T1 đã mua cho C. Sau đó, do dịch bệnh C, ông S - bà T1 không thường xuyên có mặt tại xã Đ, huyện L nên có nhờ C trông coi các thửa đất của ông S - bà T1. Việc này chỉ trao đổi miệng giữa các bên; không có giấy tờ, tài liệu gì ghi nhận.

Lúc này do cần tiền để trả nợ cho bà Phạm Thị L1. C đã thông qua ông Phạm Huy P làm nghề môi giới đất đai giới thiệu ông Đặng Hoàng A đến thửa đất số 4 để thỏa thuận mua đất. C đưa ra thông tin không có thật nói cho Đặng Hoàng A và P biết thửa đất này có diện tích khoảng 20.000 m²; thuộc sở hữu của C nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. C bán cho Đặng Hoàng A với giá là 2.600.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) thì Đặng Hoàng A đồng ý mua thửa đất này.

Khoảng 14h ngày 16/4/2021, tại quán C4 (đường Đ, phường C, thành phố Đ), C và Hoàng A đã ký Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (chỉ ký tay, không công chứng) đối với thửa đất số 4; có sự chứng kiến của ông P. Sau khi ký Hợp đồng xong, theo thỏa thuận trong Hợp đồng, cũng trong sáng ngày 16/4/2021, Hoàng A chuyển cho C số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) để đặt cọc mua đất bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng (từ tài khoản ngân hàng V - Chi nhánh H; số tài khoản 0201000350746 và tài khoản ngân hàng T2 - chi nhánh H; số tài khoản 19029547555030 đều mang tên Hoàng A đến tài khoản ngân hàng A2 - Chi nhánh L3; số tài khoản 5400215040416 mang tên Lê Văn C; nội dung: Hoàng A chuyển tiền cọc đất Bãi Ruộng 2, Đ). (BL 104, 308)

Sau khi đã nhận được tiền từ Đặng Hoàng A, do vẫn thiếu tiền trả nợ nên C nảy sinh ý định bán 05 thửa đất còn lại cho Hoàng A để lấy tiền trả nợ nên vào khoảng đầu tháng 05/2021, C chủ động liên lạc với Hoàng A qua điện thoại và cho Hoàng A biết C muốn bán cho Hoàng A thêm 05 thửa đất xã Đ, huyện L với giá 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng).

Ngày 08/5/2021, Đặng Hoàng A lên Đ gặp C và được C dẫn đi xem đất. C dẫn Hoàng A đi xem các thửa đất còn lại. C tiếp tục đưa ra thông tin không có thật và cho Hoàng A biết toàn bộ các thửa đất này là đất của C; thuộc loại đất nông nghiệp; chưa được cấp GCNQSDĐ. Các thửa đất này do C mua lại của người đồng bào. Sau khi xem đất, thì Hoàng A đồng ý mua cả 05 thửa đất này với giá 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng).

Ngày 09/5/2021, C và Hoàng A ký kết Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (chỉ ký tay, không công

chứng) đối với các thửa đất số 1, 2, 3, 5, 6; có sự chứng kiến của anh Nguyễn Minh N1 (là nhân viên của Hoàng A). (BL 108- 112)

Sau khi ký Hợp đồng, ngày 11/5/2021, theo thỏa thuận trong Hợp đồng, Hoàng A chuyển cho C số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) để đặt cọc mua đất bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng (từ tài khoản ngân hàng T2 - chi nhánh H; số tài khoản 19029547555030 mang tên Hoàng A đến tài khoản ngân hàng A2 - Chi nhánh L3; số tài khoản 5400215040416 mang tên Lê Văn C; nội dung: Đặng Hoàng A đặt cọc 05 thửa đất Đạ Sar, Hợp đồng ngày 09/5/2021). (BL 309)

Khoảng 10 ngày sau, do vẫn thiếu tiền trả nợ và cần thêm tiền, nên C đã liên lạc với Hoàng A và đặt vấn đề C sẽ bớt số tiền bán 05 thửa đất từ 10 tỷ đồng xuống còn 08 tỷ đồng với điều kiện là Hoàng A phải trả thêm tiền cọc là 02 tỷ đồng cho C; C cho Hoàng A biết lý do là do C cần tiền để “chạy” lên chức Đội phó của Phòng C5 Công an tỉnh Đ. Khi nghe C nói vậy, Hoàng A đồng ý và nói C qua TP . gặp Hoàng A.

Vào ngày 28/5/2021, C và vợ C là Nguyễn Thị Mộng T đến gặp Hoàng A tại khách sạn T3 (Địa chỉ: D Đ, phường C, TP .) của Hoàng A. Lúc này, vợ chồng C đề nghị Hoàng A giao thêm cho C số tiền 02 tỷ đồng đối với giao dịch mua bán 05 thửa đất tại xã Đ, huyện L mà Hoàng A và C đã ký Hợp đồng đặt cọc vào ngày 09/5/2021. Tuy nhiên, Hoàng A yêu cầu C phải giao cho Hoàng A tài sản đảm bảo nhưng C không thực hiện được nên Hoàng A không giao cho C số tiền này.

Sau đó, do cần tiền nên vợ chồng C đã đề nghị bán cho Hoàng A chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01, nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng với giá 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) mà C đang sử dụng; Hoàng A xem xe và đồng ý mua. Hoàng A và C đến Văn phòng C6 (đường T, thành phố Đ) để ký Hợp đồng chuyển nhượng nhưng do chứng minh nhân dân của C hết hạn không thực hiện công chứng được nên Hoàng A và vợ chồng C đã ký tay với nhau Hợp đồng mua bán xe (không đề ngày tháng) thể hiệc việc C bán cho Hoàng A xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01, nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng với giá 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Đồng thời, do C đã thực hiện việc rào bao quanh và trồng cây nông nghiệp trong thửa đất số 04 mà Hoàng A thỏa thuận mua của C vào ngày 16/4/2021 nên Hoàng A thanh toán cho C thêm số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) theo thỏa thuận của Hợp đồng đề ngày 16/4/2021. Hoàng A đã chuyển cho C tổng số tiền 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) thông qua tài khoản Ngân hàng (từ tài khoản ngân hàng T2 - chi nhánh H; số tài khoản 19029547555030 mang tên Đặng Hoàng A đến tài khoản ngân hàng A2 - Chi nhánh L3; số tài khoản 5400215040416 mang tên Lê Văn C; nội dung: chuyển tiền mua xe Xpander và 650 triệu tiền thanh toán đất suối Đ). Sau khi chuyển tiền, C giao cho Hoàng A

bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47004457 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đ cấp ngày 20/4/2021 mang tên Lê Văn C. Riêng xe ô tô thì Hoàng A để cho vợ chồng C mượn để đi về Đắk Lắk. (BL 310)

Để thuận tiện cho việc đi lại nên ngày 04/8/2021, C nộp hồ sơ đến Phòng CSGT Công an tỉnh Đ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01 với lý do bị mất Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cũ. Ngày 22/9/2021, Phòng CSGT Công an tỉnh Đ đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01 mới cho C, sau đó đến khoảng tháng 10/2021, C đã đưa chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01 cho Lê Minh C2 (là em trai C) sử dụng cho đến nay.

Đến khoảng tháng 5/2022, khi lên lại xã Đ, huyện L, ông S - bà T1 được mọi người xung quanh và chủ đất cũ cho biết C thông báo cho những người này biết ông S - bà T1 đã bán các thửa đất cho C. Lúc này, ông S - bà T1 có liên lạc với C thì C chối và phủ nhận việc mua đất của ông S - bà T1.

Khoảng 02 tháng sau, qua tìm hiểu thì ông S - bà T1 phát hiện việc C đã bán 05 thửa đất của gia đình nhờ C trông coi cho Đặng Hoàng A và đã nhận số tiền bán đất là 4.550.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi sự việc bị phát hiện, C và gia đình đã khắc phục cho Hoàng A tổng số tiền là 4.200.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) còn lại C và gia đình đã cam kết sẽ khắc phục cho Hoàng A trong thời gian tới.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01, nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng mà vợ chồng C viết giấy tay bán cho Hoàng A với giá 600.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án Hoàng A đồng ý bán lại cho ông Lê Minh C2 (em trai C) với số tiền 500.000.000đ.

Ngày 09/3/2023, Đặng Hoàng A đã làm Đơn xin rút đơn tố cáo và gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L.

Ngày 13/02/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã trưng cầu phòng KTHS Công an tỉnh L giám định chữ ký, chữ viết của Lê Văn C trên Bản gốc các tài liệu gồm: Hợp đồng đặt cọc đề ngày 16/4/2021, Hợp đồng đặt cọc đề ngày 09/5/2021, Hợp đồng mua bán xe không đề ngày tháng, Bản cam kết đề ngày 31/8/2022, Bản cam kết đề ngày 04/9/2022, Hợp đồng đặt cọc để bảo đảm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 22/7/2019, Văn bản hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Kết luận giám định số 167/KL-KTHS ngày 03/03/2023 Phòng KTHS Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Lê Văn C” trên các tài liệu gửi giám định trên so với chữ ký ghi họ tên “Lê Văn C” trên Bản tự khai đề

ngày 27/10/2022 của ông Lê Văn C là do cùng một người ký và viết ra. (BL 155-156)

Vật chứng thu thập giữ:

Các tài liệu do ông Đặng Hoàng A cung cấp

- Bản gốc Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 16/4/2021 (gồm 04 tờ A4, có chữ ký của Đặng Hoàng A, Lê Văn C và Phạm Huy P). (BL 104-107)

- Bản gốc Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 09/5/2021, tại mặt sau tờ số 4 có dòng chữ “Hôm nay, ngày 28/5/2021 tôi Lê Văn C có nhận thanh toán đợt II 2 tỷ đồng bằng tiền mặt” (gồm 04 tờ A4, có chữ ký của Đặng Hoàng A, Lê Văn C và Nguyễn Minh N1). (BL 108-111)

- Bản gốc Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 09/5/2021 (gồm 04 tờ A4, có chữ ký của Đặng Hoàng A, Lê Văn C, Nguyễn Thị Mộng T và Nguyễn Minh N1). (BL 112-115)

- Bản gốc Hợp đồng mua bán xe không đề ngày tháng (gồm 02 tờ A4, có chữ ký của Đặng Hoàng A, Lê Văn C và Nguyễn Thị Mộng T). (BL 116-117)

- Bản gốc Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47004457 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đ cấp ngày 20/4/2021. (đính kèm hồ sơ)

- Bản gốc Họa đồ đo đạc chính lý hiện trạng thửa đất - Hệ tọa độ VN-2000, khu vực: Tiểu khu 143; tờ số 45CT05 do CNVPĐKĐĐ huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/4/2021; thể hiện người đăng ký trích đo là ông Lê Văn C; HKTT: thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (gồm 01 tờ A3). (BL 118-121)

Các tài liệu do bà T1 và ông S cung cấp:

- 01 (Một) Bản gốc Bản cam kết đề ngày 04/9/2022; được viết tay bằng mực bút bi màu xanh trên giấy ô ly học sinh; có chữ ký xác nhận đề tên Lê Văn C (gồm 02 tờ); (BL 138)

- 01 (Một) Bản gốc Bản cam kết đề ngày 31/8/2022; được viết tay bằng mực bút bi màu xanh trên giấy kẻ ngang; có chữ ký xác nhận đề tên Lê Văn C (gồm 01 tờ); (BL 140)

- 01 (Một) Bản gốc Hợp đồng đặt cọc để bảo đảm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 22/7/2019 (gồm 02 tờ A4, có chữ ký của Lê Văn C và Phan Thị Tuyết T1). (BL 141-142)

- 01 (Một) Bản gốc Văn bản hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (không đề ngày tháng); (gồm 01 tờ A4, có chữ ký của Lê Văn C). (BL 143)

- 06 (Sáu) Bản photo Giấy sang nhượng đất thể hiện việc bà T1 mua 06 thửa đất nêu trên của các Hộ đồng bào DTTS tại xã Đ, huyện L. (BL 177.183.185.195.196.197)

* Sao kê tài khoản ngân hàng A2 - Chi nhánh L3; số tài khoản 5400215040416 mang tên Lê Văn C xác định: (BL 304)

- Ngày 16/4/2021, nhận số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Nội dung: Hoang A1 chuyen tien dat coc dat Bai R D.

- Ngày 11/5/2021, nhận số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Nội dung: Dang Hoang Anh dat coc E thua dat dasar hop dong ngay 09 thang 5 nam 2021.

- Ngày 31/5/2021, nhận số tiền 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Nội dung: chuyen tien mua xe Xpander và 650 trieu tien thanh toan dat suoi Dasar.

Cáo trạng số 55/CT-VKS-P2 ngày 16/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến giải quyết vụ án: Giữ nguyên Cáo trạng số 55/CT-VKS-P2 ngày 16/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 08 năm đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/6/2023

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bị hại yêu cầu ông P trả lại 300.000.000đ là không có căn cứ. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên bị cáo có quyền yêu cầu ông P trả lại 300.000.000đ nhưng bị cáo không yêu cầu. Xét sự tự nguyện giữa bị cáo và ông P là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án Bản gốc Hợp đồng mua bán xe không đề ngày tháng (gồm 02 tờ A4, có chữ ký của Đặng Hoàng A, Lê Văn C và Nguyễn Thị Mộng T) (BL 116-117); Bản gốc Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47004457 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đ cấp ngày 20/4/2021.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

N2 có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi gia đình, bị hại. Bị cáo rất ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn C khai nhận: Do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2021 đến ngày 28/5/2021 Lê Văn C đưa ra thông tin không có thật về các thửa đất của vợ chồng ông Nguyễn Đức S và bà Phan Thị Tuyết T1 gửi C trông nom là thuộc quyền sở hữu của C làm cho ông Đặng Hoàng A tin tưởng các thửa đất trên đều thuộc quyền sở hữu của C nên đã nhận chuyển nhượng và nhiều lần giao cho C tổng số tiền là 3.550.000.000đ (Ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó L2 số 4 là 1.950.000.000đ (nhận lần 1 là 1.300.000.000đ; lần 2 là 650.000.000đ), Lô số 1,2,3,5 là 1.600.000.000đ (nhận 2.000.000.000đ nhưng trong đó có lô đất của bị cáo giá trị 400.000.000đ)

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai tại phiên tòa hôm nay, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm hại đến khách thể quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đời sống của người dân. Do vậy, cần quyết định mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành

tích xuất sắc, được tặng nhiều giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh L và Công an tỉnh Đ nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đề cập.

[6] Đối với Phạm Huy P là người môi giới dẫn ông Đặng Hoàng A nhận chuyển nhượng đất của C. Quá trình điều tra xác định khi ông P giới thiệu cũng không biết việc C đưa ra thông tin gian dối. Do vậy P không đồng phạm với C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Việc bị hại Đặng Hoàng A yêu cầu ông Phạm Huy P trả số tiền 300.000.000đ do môi giới thì thấy rằng, quá trình điều tra đã xác định bị cáo là người chuyển số tiền môi giới 300.000.000đ cho ông P. Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu ông P hoàn trả lại số tiền môi giới đã nhận. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Trong vụ án này còn có hành vi của bà Nguyễn Thị Mộng T - vợ của bị cáo cũng tham gia ký hợp đồng đặt cọc ngày 09/5/2021 và hợp đồng mua bán xe 47A – 40101. Quá trình điều tra xác định việc bà T ký xác nhận vào Hợp đồng đặt cọc đề ngày 09/5/2021 là làm theo đề nghị của bị cáo và Hoàng A; đồng thời, bà T tin tưởng các thừa đất mà C thỏa thuận bán cho Hoàng A theo Hợp đồng này thuộc sở hữu của C. Bà T không biết việc C đưa ra các thông tin gian dối về việc sở hữu các thửa đất này để chiếm đoạt tiền của Đặng Hoàng A; cũng không cùng C sử dụng số tiền chiếm đoạt được. Vì vậy, hành vi của bà Nguyễn Thị Mộng T không đồng phạm với với Lê Văn C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản .

Đối với hành vi thỏa thuận bán xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01, nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng cho Hoàng A với số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) sau đó giao xe cho em trai C sử dụng. Quá trình điều tra xác định tại thời điểm hiện nay, xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01 nêu trên vẫn thuộc sở hữu của C. Việc C giao xe cho em trai C là C2 sử dụng chỉ là thỏa thuận miệng; không làm giấy tờ ghi nhận. Quá trình làm việc với C2 thì C2 khai nhận chỉ là C đưa cho C2 mượn chứ không có việc C bán xe cho C2. Hiện nay, C đã giao xe cho Hoàng A và Hoàng A đồng ý bán lại chiếc xe này cho em trai C. Vì vậy, giao dịch mua bán xe ô tô biển kiểm soát 47A-401.01 chỉ là giao dịch dân sự, hành vi của C không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc tố giác về tội phạm của Nguyễn Đức S và Phan Thị Tuyết T1 tố cáo Lê Văn C có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là các thửa đất nêu trên. Quá trình điều tra xác định Lê Văn C không có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là các thửa đất nêu trên. Do vậy ngày 11/9/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình

sự. Ngày 12/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có văn bản thống nhất quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L.

[8] Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án Bản gốc Hợp đồng mua bán xe không đề ngày tháng (gồm 02 tờ A4, có chữ ký của Đặng Hoàng A, Lê Văn C và Nguyễn Thị Mộng T); Bản gốc Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47004457 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đ cấp ngày 20/4/2021.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án Bản gốc Hợp đồng mua bán xe không đề ngày tháng (gồm 02 tờ A4, có chữ ký của Đặng Hoàng A, Lê Văn C và Nguyễn Thị Mộng T) (BL 116-117); Bản gốc Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47004457 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đ cấp ngày 20/4/2021.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ được kháng cáo phần có liên quan./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSNDCC tại Tp HCM (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng PV06 CA Lâm Đồng (01);
- Cơ quan CSĐT CA Lâm Đồng (02);
- Cơ quan THAHS CA Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Trại tạm giam (01);
- Bị cáo (01); Bị hại (01);
- Người liên quan (05);
- Luật sư (01);
- Phòng KTNV&THA (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoài

- Lưu Tòa Hình sự.